

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 3 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà L Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hiền

Bà Lưu Xông Pha

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Hồng L, sinh năm 1982 (Xin vắng mặt);

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1973 (Xin vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2023, nguyên đơn chị Trần Hồng L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Hồng L và anh Nguyễn Văn M kết hôn ngày 11/01/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng những năm gần đây anh M thường xuyên uống rượu, bỏ bê vợ con, không tu chí làm ăn lo kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh M có hành vi đánh đập chị L. Gia đình đôi bên đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với anh M nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 07/9/2010, hiện đang sống cùng anh M. Khi ly hôn, chị L yêu cầu giao con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn M: Tại văn bản ngày 03/02/2023, anh M xác định:

- Về hôn nhân: Anh M không đồng ý ly hôn với chị L vì giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Do chị L bỏ nhà đi không cho anh M biết, lúc chị L đi, anh M không có ở nhà. Anh M còn thương chị L nhưng không yêu cầu Tòa án hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Trường hợp chị L kiên quyết ly hôn thì anh M đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 07/9/2010, hiện đang sống cùng anh M. Khi ly hôn, anh M đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con nhưng yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ngày 22/02/2022, vợ chồng có vay tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Trần Văn Thời số tiền 40.000.000 đồng. Hàng tháng đều có trả vốn và lãi cho ngân hàng. Hiện nay khoản nợ còn lại bao nhiêu thì anh M không biết. Do đây là nợ chung của vợ chồng nên anh M yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ trả ½ số nợ còn lại cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Hồng L và bị đơn anh Nguyễn Văn M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Hồng L và anh Nguyễn Văn M xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị L xác định, anh M thường xuyên uống rượu, bỏ bê vợ con, không tu chí làm ăn lo kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh M có hành vi đánh đập chị L. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với anh M nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh M.

Anh M không đồng ý ly hôn với chị L vì cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Anh M còn thương chị L nhưng không yêu cầu Tòa án hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Trường hợp chị L kiên quyết ly hôn thì anh M đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị L yêu cầu ly hôn với anh M, anh M cũng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị L, anh M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Hơn nữa, hiện nay chị L và anh M đã sống ly thân, không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định chị L và anh M đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L và anh M ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 07/9/2010, hiện do anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu giao cháu Kh cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, anh M đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh và cháu Kh cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh M. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Kh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Kh cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị L xác định không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người mẹ khi không trực tiếp nuôi dưỡng con nên việc anh M yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Kh là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Anh M yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Kh mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Kh thành niên. Xét thấy, mức cấp dưỡng anh M yêu cầu phù hợp với điều kiện sinh hoạt tại địa phương, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, cần buộc chị L cấp dưỡng cho cháu Kh mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Kh thành niên là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh M xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện, chị L xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 03/02/2023, anh M xác định ngày 22/02/2022 vợ chồng có vay tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Trần Văn Thời số tiền 40.000.000 đồng. Hàng tháng đều có trả vốn và lãi cho ngân hàng. Hiện nay khoản nợ còn lại bao nhiêu thì anh M không biết. Do đây là nợ chung của vợ chồng nên anh M yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số nợ còn lại cho ngân hàng.

Ngày 21/02/2023, Tòa án đã có Công văn số: 39/CV-TA yêu cầu Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Trần Văn Thời xác định khoản nợ vay và yêu cầu liên quan đến khoản nợ vay nhưng ngân hàng không có văn bản phúc đáp trong thời hạn ấn định. Do ngân hàng không có ý kiến đối với khoản nợ vay nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Hồng L.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Hồng L và anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 07/9/2010 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Hồng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kh mà không ai được cản trở; chị L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Kh được sống chung với anh M; chị L phải cấp dưỡng cho cháu Kh mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Kh thành niên.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Chị Trần Hồng L phải chịu án phí số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Ngày 11/01/2023 chị L đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); chị L còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Hồng L và bị đơn anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Hà